

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời bổ sung
công trình: Sửa chữa, nâng cấp hồ NT4, NT8 và NT10
dự án: Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Phước Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá bồi thường về nhà, vật kiến trúc và cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 17/9/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án: Sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Phước Long (gồm các hồ: NT4, NT8, NT9, NT2 - Đội 7, NT2 - Đội 8, NT6, NT10) trên địa bàn huyện Phước Long;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 756/TTr-STNMT ngày 16/12/2010, theo Tờ trình số 873/TT.BQL ngày 10/12/2010 của Ban quản lý các dự án ngành Nông nghiệp và PTNT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời bổ sung thuộc công trình sửa chữa, nâng cấp hồ NT4, NT8, NT10 - dự án sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Phước Long, cụ thể như sau:

1. Danh sách các hộ:

- Gồm 09 hộ;
- Có 09 biên bản;
- Số hộ được bồi thường, hỗ trợ: 09 hộ.

2. Diện tích đất thu hồi: 6.324 m²;

Trong đó:

- Đất thổ cư: 400 m²;
- Đất nông nghiệp: 5.924 m².

3. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ: 746.404.200 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ bốn ngàn, hai trăm đồng);

Trong đó:

- Chi phí bồi thường đất: 120.785.600 đồng;
- Chi phí bồi thường nhà cửa: 127.360.000 đồng;
- Chi phí bồi thường vật kiến trúc: 391.251.200 đồng;
- Chi phí bồi thường cây trồng: 37.105.000 đồng;
- Chi phí hỗ trợ: 69.902.400 đồng.

Điều 2. Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập, Ban QLCDA ngành Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 2;
- LĐVP, phòng: KT, SX;
- Lưu: VT, 369. **14 K**



Nguyễn Văn Lợi

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG VÀ CHI PHÍ HỖ TRỢ, DI DỜI BỔ SUNG
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NÂNG CẤP HỒ NT10, NT4 và NT8

(Kèm theo Quyết định số **2933**/QĐ-UBND ngày **21** /12/2010 của UBND tỉnh)



TT	Số BB	Họ và tên	Địa chỉ	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG				GIÁ TRỊ HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG	Ghi chú
				Đất	Nhà	Vật kiến trúc	Cây trồng			
1	BS 01	Nguyễn Văn Vi	Thôn Phú Nguyên-Phú Riềng	-	-	-	15.000.000	-	15.000.000	
2	BS 02	Dương Văn Cần	Thôn Phú Nguyên-Phú Riềng	360.000	-	-	220.000	-	580.000	
3	BS 03	Vũ Thị Xoan	Thôn Phú Nguyên-Phú Riềng	3.033.600	-	990.000	910.000	4.550.400	9.484.000	
4	BS 04	Phạm Thị Kim Nương	Thôn Phước An - xã Bình Tân	57.968.000	127.360.000	48.957.200	13.600.000	56.952.000	304.837.200	
5	BS 05	Trương Khắc Văn	Thôn Phú Nguyên-Phú Riềng	48.000.000	-	324.000.000	750.000	-	372.750.000	
6	BS 06	Trần Sỹ Hùng	Thôn Phú Nguyên-Phú Riềng	-	-	-	1.300.000	-	1.300.000	
7	BS 07	Trần Công Lượng	Thôn Phú Nguyên-Phú Riềng	5.600.000	-	-	1.125.000	8.400.000	15.125.000	
8	BS 08	Nguyễn Xuân Hiện	Thôn 7 - Long Hưng	5.824.000	-	13.104.000	1.200.000	-	20.128.000	
9	BS 09	Chu Thị Liên	Thôn Phú Nguyên-Phú Riềng	-	-	4.200.000	3.000.000	-	7.200.000	
Tổng				120.785.600	127.360.000	391.251.200	37.105.000	69.902.400	746.404.200	